

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/LĐ-ST

Ngày: 22/11/2019

V/v: “Tranh chấp Bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan H

Các Hội Thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

- Ông Hoàng Xuân Trúc – Chuyên viên Phòng LĐTBXH TP. B

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký TAND TP B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2018/TLST-LĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST-LĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 128, tổ 11, xóm 2, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: **Công ty cổ phần H.**

Địa chỉ: Đường Điều Xiển, KP. 8, phường L, TP. B, tỉnh Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Khuê, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Anh, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 7/2 tổ 24, Kp4, phường B, TP. B, tỉnh Đ.

Theo Giấy ủy quyền số 39/UQ-CPHV ngày 02/5/2018.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.**

Địa chỉ: 219, Hà Huy Giáp, KP.4, phường Q, TP. B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Thành chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Thị PH Hoa, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng.

Theo giấy ủy quyền số 34/GUQ-BHXXH ngày 17/4/2018.

(Ông H, bà Anh và bà Hoa có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Từ tháng 10/1989, ông vào làm việc cho Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam sau đổi tên thành Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty). Khi vào làm việc ông là

cán bộ công nhân viên Nhà nước, đến năm 1995 khi Bộ luật Lao động có hiệu lực, ông được chuyển sang làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là công nhân sửa chữa thiết bị.

Sau đó, do hoàn cảnh gia đình nên ông xin nghỉ việc và được công ty đồng ý và đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-CPHV cho ông nghỉ việc từ ngày 25/7/2016 và trả sổ Bảo hiểm xã hội. Mức lương đóng Bảo hiểm xã hội trước khi cho ông nghỉ việc là 6.825.500đ/tháng.

Khi kiểm tra sổ BHXH thì ông được biết từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 (33 tháng) công ty không đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho ông. Nhận thấy, quyền lợi bị thiệt thòi nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần H truy đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 33 tháng với mức đóng là: $6.825.500đ \times 18\% \times 33 \text{ tháng} = 40.543.470đ$.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Bị đơn do bà Anh đại diện trình bày:

Trong thời gian từ tháng 10/1989 đến tháng 7/1992 ông Trần Văn H làm công việc theo mùa vụ tại phân xưởng sản xuất của Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam sau đổi tên thành Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty), không ký kết hợp đồng lao động, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng phải báo trước cho người lao động trước 03 ngày. Công việc chính của ông H làm công nhân bốc xếp nguyên liệu.

Tiền lương trả theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đã có tính thêm 30% bao gồm Bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, thưởng... để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm. Người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có ký nhận. Hiện nay công ty không còn lưu giữ bảng lương thể hiện mức lương ông H nhận trong thời gian này nên không biết là bao nhiêu.

Do thời gian này ông H làm việc theo mùa vụ nên công ty không đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho ông và ông cũng không có ý kiến thắc mắc gì thêm.

Đến tháng 8/1992, công ty ký hợp đồng lao động với ông H thời hạn 03 tháng và từ đó đã đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đầy đủ cho đến tháng 8/2016 khi công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông H thì công ty đã giải quyết chế độ thôi việc cho ông đầy đủ theo quy định.

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2011 mặc dù tại công ty không có đơn khiếu nại hay khởi kiện về truy thu BHXH cho những người lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước không có đóng bảo hiểm xã hội nhưng để đảm bảo quyền lợi cho những người lao động về sau thì Công ty cũng đã rà soát và có nhiều văn bản gửi đến các cơ quan chức năng như Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở lao động – thương binh và xã hội tỉnh, tổng Công ty bảo hiểm để xin truy nộp bổ sung BHXH nhưng không thể thực hiện được do thời điểm này công ty không có đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Công ty BHXH tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

Tại Biên bản làm việc ngày 02/6/2011 giữa công ty BHXH tỉnh Đồng Nai và Công ty CP Hòa Việt, để có cơ sở truy thu BHXH cho các lao động làm việc tại

Công ty chưa đóng BHXH từ năm 1989 đến năm 2004 Công ty phải cung cấp các hồ sơ sau đây:

- Danh sách lao động và bảng thanh toán tiền lương, tiền công liên quan đến quá trình truy đóng của người lao động;

- Các Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, các quyết định lương, bảng thanh toán tiền lương, tiền công và các hồ sơ khác có liên quan đến thời gian truy đóng của người lao động.

- Quyết định xử phạt hành vi hành vi phạm về đóng BHXH của thanh tra Sở Lao động TB & XH.

Với yêu cầu điều kiện như trên của BHXH tỉnh thì phía công ty không đáp ứng được do những lao động trong thời gian này chỉ là lao động thời vụ thời hạn dưới 3 tháng nên công ty không ký hợp đồng lao động chỉ giao kết bằng miệng, lương tiền công theo ngày hoặc lương khoán đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng... để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm.

Ngày 18/11/2010 Công ty cũng có văn bản số 358/CPHV-TCHC gửi Sở Lao động TH bình và Xã hội tỉnh nêu ý kiến đối với yêu cầu điều kiện của BHXH tỉnh công ty không đáp ứng được để truy thu đóng BHXH cho các trường hợp lao động nêu trên và xin ý kiến hướng dẫn của Sở.

Ngày 13/12/2010 Sở Lao động TH bình và Xã hội tỉnh có công văn số 1774/LĐTBXH –CSLĐ phúc đáp cho công ty có nội dung như :

“Căn cứ quy định tại Điều 28 BLLĐ ...đối với một số công việc có tính chất tạm thời mà thời hạn dưới 03 tháng hoặc đối với lao động giúp việc gia đình thì các bên có thể giao kết bằng miệng...”

Căn cứ quy định tại Điều 1, sửa đổi khoản 2, mục II, thông tư số 21/2003/TT - BLĐTBXH có quy định: Hợp đồng lao động giao kết với người hưởng lương hưu hàng tháng và làm việc có thời gian dưới 03 tháng thì ngoài phần tiền lương công việc, người lao động còn được người sử dụng lao động thanh toán tiền theo tỷ lệ % so với tiền lương theo hợp đồng lao động gồm: BHXH, BHYT, Nghỉ phép năm....”

Căn cứ các văn bản pháp luật về lao động như Pháp lệnh Hợp đồng lao động, ngày 30/8/1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 165/HĐBT ngày 12/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động, Bộ luật lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng.

Thông tư 06/TT-BLĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ lao động - TH bình và xã hội hướng dẫn thi hành một số điều Điều lệ BHXH ban hành kèm theo nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ tại điểm A quy định “Các đối tượng quy định tại Điều 3 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội nếu làm hợp đồng theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định mà thời hạn dưới 3 tháng thì không thuộc diện bắt buộc áp dụng Điều lệ Bảo hiểm xã hội”.

Do đó, nay ông H khởi kiện yêu cầu Công ty truy đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 02 năm 09 tháng với mức đóng phí là $6.825.500đ \times 18\% \times 33 \text{ tháng} = 40.543.470đ$ thì công ty không đồng ý vì trong thời

gian này ông H thuộc trường hợp không phải đóng Bảo hiểm xã hội và công ty cũng đã trả tiền lương theo vụ việc có tính thêm 30% bao gồm Bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, thưởng... để người lao động tự lo. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ do bà Đinh Thị Phương H đại diện trình bày:

Ông Trần Văn H sinh năm 1964 (mã số Bảo hiểm xã hội 0296149290) có quá trình tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 07/1992 đến tháng 07/20196 là 24 năm 01 tháng tại Công ty cổ phần H (tên cũ là Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam).

Việc ông H yêu cầu Công ty cổ phần H phải đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 02 năm 09 tháng, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có ý kiến như sau:

Đây là thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 (trước ngày Nghị định số 12/CP ngày 26/01/2015 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành), thời gian này Công ty H và ông H không phải đóng Bảo hiểm xã hội.

Đề ông H được cộng nổi thời gian công tác từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 thì Công ty H và ông H phải phối hợp cung cấp hồ sơ liên quan đến quá trình làm việc của ông H tại Công ty H để Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ thẩm định.

Căn cứ theo quy định tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXXH quy định các loại giấy tờ làm căn cứ để cấp, ghi, điều chỉnh sổ Bảo hiểm xã hội đối với người lao động có thời gian công tác trước năm 1995 (không bao gồm người bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc tự ý bỏ việc, bị phạt tù giam trước ngày 01/01/1995), hồ sơ bao gồm: Lý lịch gốc và lý lịch bổ sung (nếu có) của người lao động, quyết định tiếp nhận, hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan khác như: quyết định nâng bậc lương, quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác, quyết định phục viên xuất ngũ, chuyển ngành, giấy thôi trả lương...

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông Trần Văn H bắt đầu làm việc tại Công ty cổ phần H từ tháng 10/1989 nhưng đến tháng 7/1992 Công ty mới ký Hợp đồng lao động với ông H và bắt đầu đóng BHXH. Do đặc thù của Công ty là sản xuất nguyên liệu lá thuốc và lá thuốc thì được thu hoạch theo mùa vụ (chỉ có từ 02 đến 03 tháng/năm) nên hầu hết

công nhân vào làm đều là thời vụ, tiền lương và tiền công trả cho ông H đã có tính cả 30% bảo hiểm xã hội, nghỉ lễ, nghỉ phép, tàu xe nghỉ phép. Ngoài ra, Ông H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về quan hệ lao động, Hợp đồng lao động, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm trong thời gian từ tháng 10/1989 nhưng đến tháng 7/1992. Từ những phân tích trên, căn cứ Pháp lệnh hợp đồng lao động ngày 30/8/1990; Nghị định số 165/HĐBT ngày 15/02/1992; Điều 28 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994; điểm 2 mục III Thông tư 21/BLĐTBXH-TT ngày 12/10/1996; đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Văn H; Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần H bà Nguyễn Thị Anh và Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ bà Đinh Thị PH Hoa có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà Hoa và bà Anh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông Trần Văn H bắt đầu làm việc tại Công ty cổ phần H từ tháng 10/1989 nhưng đến tháng 7/1992 Công ty mới ký Hợp đồng lao động với ông H và bắt đầu đóng BHXH. Trong thời gian từ tháng 10/1989 nhưng đến tháng 7/1992, ông H làm công việc theo mùa vụ tại phân xưởng sản xuất của công ty, không ký kết hợp đồng lao động, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng phải báo trước cho người lao động trước 03 ngày.

Do hoàn cảnh gia đình ông H có đơn xin nghỉ việc và được công ty đồng ý tại Quyết định số 131/QĐ-CPHV cho nghỉ việc từ ngày 25/7/2016 và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông H. Mức lương đóng Bảo hiểm xã hội trước khi cho ông H nghỉ việc là 6.825.500đ/tháng.

Sau đó, khi kiểm tra lại thì ông H được biết từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 công ty không đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho ông. Nhận thấy, quyền lợi bị thiệt thòi nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải truy đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 02 năm 09 tháng với mức đóng phí là $6.825.500đ \times 18\% \times 33 \text{ tháng} = 40.543.470đ$.

Xét thấy đối với các quan hệ lao động xác lập trước ngày 01/01/1995 được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh hợp đồng lao động năm 1990. Vì Pháp lệnh hợp đồng lao động năm 1990 chưa có quy định về việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các quan hệ lao động, như vậy thời gian làm việc của ông H từ tháng

10/1989 đến tháng 6/1992 là thời gian trước ngày 01/01/1995 (trước ngày Bộ luật lao động năm 1994 và Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 về việc ban hành Điều lệ bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành) thì cả ông H và Công ty đều không phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Theo Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1995 quy định: “Loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc được áp dụng đối với những doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên. Ở những doanh nghiệp này, người sử dụng lao động, người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật này và người lao động được hưởng các chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, hưu trí và tử tuất. Người lao động làm việc ở những nơi sử dụng dưới 10 lao động, hoặc làm những công việc thời hạn dưới 03 tháng, theo mùa vụ hoặc làm những công việc có tính chất tạm thời khác, thì các khoản bảo hiểm xã hội được tính vào tiền lương do người sử dụng lao động trả để người lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo loại hình tự nguyện hoặc tự lo liệu về bảo hiểm xã hội”.

Căn cứ vào Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ban hành Quy trình thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế gồm:

Đối với người lao động làm việc trong các Doanh nghiệp Nhà nước:

- + Nếu người lao động là cán bộ công nhân viên (gồm cả người quản lý doanh nghiệp) thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: Quyết định bổ nhiệm (người quản lý Doanh nghiệp), tuyển dụng, xếp lương (viên chức chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành và công nhân).

- + Nếu người lao động theo hợp đồng lao động thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: Hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

- Bảng thanh toán tiền lương (hoặc bảng kê tiền lương, tiền công nếu trả qua ATM) tương ứng thời gian truy thu.

- Loại khác: Văn bản giải trình, thuyết minh...hoặc giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm, khoán công việc,...(nếu có).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thừa nhận khoảng thời gian này giữa ông và Công ty không có ký hợp đồng lao động với nhau, đồng thời ông H cũng không cung cấp được bảng thanh toán tiền lương (hoặc bảng kê tiền lương, tiền công nếu trả qua ATM) tương ứng thời gian truy thu hoặc các văn bản giải trình, thuyết minh...hoặc giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm, khoán công việc,... Do vậy, Công ty cổ phần H vì muốn duy trì số lượng lao động, vào năm 2007 có tự nguyện đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ, cho Công ty được đóng truy thu chế độ bảo hiểm cho người lao động trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 2000, là sự tự nguyện của Công ty đối với người lao động, không phải trường hợp bắt buộc phải đóng. Tuy nhiên, sau đó cả Công ty và người lao động đều không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu chứng minh về quan hệ lao động, hợp

đồng lao động, mức lương, ...để làm căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội nên Công ty không có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động trong khoảng thời gian trên.

Theo công văn số 3473/LĐTBXH-LĐTL.BHXXH ngày 19/8/2019 của Sở Lao động - TH bình và Xã hội tỉnh Đ thể hiện thì từ năm 1990 đến năm 2000, Sở Lao động - TH bình và Xã hội tỉnh Đ cũng không nhận được bản khai trình tình hình sử dụng lao động và báo cáo tình hình thay đổi lao động (hàng năm) của Công ty cổ phần H.

Ngoài ra, tại Văn bản số 4175/BHXXH-BT ngày 07/11/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xác định trường hợp các bên không cung cấp được mức lương, chức danh nghề nghiệp hoặc những nội dung trong bản hợp đồng lao động, theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động -TH bình và Xã hội thì không có căn cứ để tính thời gian truy thu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Do đó, việc ông H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần H phải truy đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 02 năm 09 tháng với mức đóng: $6.825.500đ \times 18\% \times 33 \text{ tháng} = 40.543.470đ$ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]Về án phí LĐ-ST: Ông H được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Pháp lệnh hợp đồng lao động ngày 30/8/1990; Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định số 165/HĐBT ngày 15/02/1992; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994; điểm 2 mục III Thông tư 21/BLĐTBXH-TT ngày 12/10/1996; Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ; Quyết định số 595/QĐ-BHXXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với Công ty cổ phần H về việc yêu cầu truy đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1992 là 02 năm 09 tháng với mức đóng là 40.543.470đ (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

2. Về án phí: Ông Trần Văn H được miễn án phí LĐST.

3. Ông H, Công ty cổ phần H và Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Hòa Việt